



**SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE**

**VIMĀNAVATTHUPĀḶI**

**&**

**CHUYỆN THIÊN CUNG**

## 2. 3.

183. Piṇḍāya te carantassa tuṇhībhūtassa tiṭṭhato,  
daliddā<sup>1</sup> kapaṇā nārī parāgāraṃ avassitā.<sup>2</sup>
184. Yā te adāsi ācāmaṃ pasannā sehi pāṇihi,  
sā hitvā mānusaṃ dehaṃ kannu sā disataṃ gatā.<sup>3</sup>
185. Piṇḍāya me carantassa tuṇhībhūtassa tiṭṭhato,  
daliddā<sup>1</sup> kapaṇā nārī parāgāraṃ avassitā.<sup>2</sup>
186. Yā me adāsi ācāmaṃ pasannā sehi pāṇihi,  
sā hitvā mānusaṃ dehaṃ vippamuttā ito cutā.
187. Nimmānaratino<sup>4</sup> nāma santi devā mahiddhikā,  
tattha sā sukhitā nārī modatācāmadāyikā 'ti.<sup>5</sup>
188. Aho dānaṃ varākiyā kassape supatitṭhitaṃ,  
parābhatena dānena ijhittha vata dakkhiṇā.
189. Yā mahesittaṃ kāreyya cakkavattissa rājino,  
nārī sabbaṅgakalyāṇi bhattu cānomadassikā,  
etassācāmadānassa kamaṃ nāgghati soḷasiṃ.
190. Sataṃ nikkhā sataṃ assā sataṃ assatarīrathā,  
sataṃ kaññā sahasāni āmuttamaṇikuṇḍalā,  
etassācāmadānassa kamaṃ nāgghanti soḷasiṃ.
191. Sataṃ hemavatā nāgā isādantā urūḷhavā,  
suvaṇṇakacchā mātaṅgā hemakappanavāsasā,<sup>6</sup>  
etassācāmadānassa kamaṃ nāgghanti soḷasiṃ.
192. Catunnampi<sup>7</sup> ca dīpānaṃ<sup>8</sup> issaraṃ yodha kāraye,  
etassācāmadānassa kamaṃ nāgghati soḷasin 'ti.

## Ācāmadāyikāvimānaṃ.

<sup>1</sup> daliddā - Ma, PTS.

<sup>2</sup> apassitā - Ma.

<sup>3</sup> gatā ti - Ma, Syā.

<sup>4</sup> nimmānaratino - Ma, Syā, PTS.

<sup>5</sup> modat' ācāmadāyikā - Syā, PTS.

<sup>6</sup> hemakappanivāsasā - Syā.

<sup>7</sup> catunnamapi - Ma.

<sup>8</sup> catunnaṃ mahādīpānaṃ - Syā.

## 2. 3.

183. “Khi ngài đang đi khát thực, trong khi đang đứng với trạng thái im lặng, có người đàn bà nghèo khổ, khốn cùng, sống nương tựa ở nhà của người khác.<sup>1</sup>

184. Được tịnh tín, nàng đã tự tay dâng đến ngài bọ nước cơm. Nàng ấy, sau khi từ bỏ thân xác loài người, đã đi đến phương trời nào?”

185. “Khi tôi đang đi khát thực, trong khi đang đứng với trạng thái im lặng, có người đàn bà nghèo khổ, khốn cùng, sống nương tựa ở nhà của người khác.

186. Được tịnh tín, nàng đã tự tay dâng đến tôi bọ nước cơm. Nàng ấy, sau khi từ bỏ thân xác loài người, đã chết từ nơi đây, đã được giải thoát.

187. Có hạng chư Thiên tên gọi Hóa Lạc có đại thần lực, người đàn bà ấy, người nữ bố thí bọ nước cơm, được an lạc, vui sướng ở nơi ấy.”

188. “Ôi, sự bố thí của người nữ khốn cùng đã khéo được thiết lập ở ngài Kassapa. Sự cúng dường với vật thí nhận được từ người khác quả nhiên đã được thành tựu.

189. Người phụ nữ nào xinh đẹp ở mọi phần thân thể, được xem là quý giá đối với chồng, có thể được lập làm chánh hậu của đức vua Chuyển Luân, (vẫn) không giá trị bằng một phần mười sáu của sự bố thí bọ nước cơm ấy.

190. Một trăm tiền vàng, một trăm con ngựa, một trăm xe kéo bởi lừa, một trăm ngàn thiếu nữ (trang điểm) với ngọc trai, ngọc ma-ni, và các bông hoa tai, (vẫn) không giá trị bằng một phần mười sáu của sự bố thí bọ nước cơm ấy.

191. Một trăm con long tượng thuộc vùng núi Hi-mã-lạp, có các ngà như cày xe, vạm vỡ, là loài voi *mātanga* có áo giáp bằng vàng, có yên cương bằng vàng, (vẫn) không giá trị bằng một phần mười sáu của sự bố thí bọ nước cơm ấy.

192. Ở đây, người nào có thể hành xử vương quyền đối với luôn cả bốn châu lục cũng không giá trị bằng một phần mười sáu của sự bố thí bọ nước cơm ấy.”

### **Thiên cung của Người Nữ Bố Thí Bọ Nước Cơm.**

---

<sup>1</sup> Hai câu kệ 183, 184 là lời của Chúa Trời Sakka nói với trưởng lão Mahākassapa (VvA., 101).

## 2. 4.

193. Caṇḍālī<sup>1</sup> vanda pādāni gotamassa yasassino,  
taveva<sup>2</sup> anukampāya aṭṭhāsi isisattamo.<sup>3</sup>
194. Abhippasādehi maṇaṃ arahattamhi tādini,<sup>4</sup>  
khippaṃ pañjalikā<sup>5</sup> vanda parittaṃ tava jīvitān 'ti.
195. Coditā bhāvitattena sarīrantimadhārinā,  
caṇḍālī vandi pādāni gotamassa yasassino.
196. Tamenamavadhī gāvī caṇḍālīṃ pañjalīṃ ṭhitaṃ,  
namassamānaṃ sambuddhaṃ andhakāre pabhaṅkaraṇ 'ti.<sup>6</sup>
197. Khīṇāsavaṃ vigatarajaṃ anejaṃ<sup>7</sup>  
ekaṃ araññaṃ raho nisinnaṃ,  
deviddhipattā upasaṅkamitvā  
vandāmi taṃ vīra mahānubhāvā 'ti.<sup>8</sup>
198. Suvaṇṇavaṇṇā jalitā mahāyasā  
vimānamoruyha anekacittā,  
parivāritā accharānaṃ gaṇena<sup>9</sup>  
kā tvaṃ subhe devate vandase maman 'ti.
199. Ahaṃ bhadante<sup>10</sup> caṇḍālī tayā vīrena pesitā,  
vandiṃ arahato pāde gotamassa yasassino.
200. Sāhaṃ vanditva<sup>11</sup> pādāni cutā caṇḍālayoniyā,  
vimānaṃ sabbato bhaddaṃ upapannaṃ nandaṇaṃ.<sup>12</sup>
201. Accharānaṃ satahassaṃ purakkhatvāna tiṭṭhati,<sup>13</sup>  
tāsāhaṃ pavārā seṭṭhā vaṇṇena yasasā yutā.<sup>14</sup>
202. Pahūtakatakalyāṇā sampajānā paṭissatā,<sup>15</sup>  
muniṃ kāruṇikaṃ loke taṃ bhante vanditumāgatā 'ti.<sup>16</sup>
203. Idaṃ vatvāna caṇḍālī kataññū katavedinī,  
vanditvā arahato pāde tatthevantaradhāyathā 'ti.<sup>17</sup>

## Caṇḍālīvimānaṃ.

<sup>1</sup> caṇḍālī - Ma, Syā.

<sup>2</sup> tameva - Ma, Syā, PTS.

<sup>3</sup> isisuttamo - Sīmu.

<sup>4</sup> tādini - Ma, PTS; tādine - Syā.

<sup>5</sup> khippamañjalikā - Syā.

<sup>6</sup> pabhaṅkaraṃ - Syā, PTS.

<sup>7</sup> anejaṃ - Syā.

<sup>8</sup> mahānubhāvanti - Ma; mahānubhāva - Syā.

<sup>9</sup> accharāsaṅgaṇena - Ma, Syā, PTS.

<sup>10</sup> bhaddante - Ma.

<sup>11</sup> vanditvā - Ma, Syā.

<sup>12</sup> nandane - Ma, Syā, PTS.

<sup>13</sup> sahasāni purakkhitvā maṃ tiṭṭhanti - Syā.

<sup>14</sup> yasasāyuna - Ma, Syā, PTS.

<sup>15</sup> paṭissatā - Ma.

<sup>16</sup> āgatā - PTS.

<sup>17</sup> tatthevantaradhāyati ti - Syā.

## 2. 4.

193. “Này bà lão dòng hạ tiện, bà hãy đánh lễ các bàn chân của đức Gotama có danh tiếng. Bậc Ấn Sĩ tối thượng đã đứng lại vì lòng thương tưởng dành cho chính bà.”<sup>1</sup>

194. Bà hãy khởi tâm tịnh tín ở bậc A-la-hán như thế ấy. Hãy mau chấp tay lại đánh lễ, mạng sống của bà là ngăn ngùi.”

195. Được khuyến khích bởi vị có bản thân đã được tu tập đang mang thân mạng cuối cùng, bà lão dòng hạ tiện đã đánh lễ các bàn chân của đức Gotama có danh tiếng.

196. Có con bò cái đã húc chết bà lão dòng hạ tiện ấy đấy, trong khi bà đứng chấp tay, đang lễ bái đấng Toàn Giác, bậc tạo ra ánh sáng ở bóng tối.

197. “Thưa bậc anh hùng có đại oai lực, tôi đã đạt được thần lực của chư Thiên, tôi đi đến và đánh lễ ngài, bậc có lậu hoặc đã được cạn kiệt, có bụi bặm đã được xa lìa, không còn dục vọng, đã ngồi cô độc một mình ở khu rừng.”

198. “Nàng có sắc của vàng, rực sáng, có danh tiếng lớn lao, có nhiều đồ trang sức, được tháp tùng bởi đoàn tiên nữ, đã hạ xuống từ Thiên cung, hỏi nàng tiên xinh đẹp, nàng là ai mà đánh lễ ta?”

199. “Thưa đại đức, tôi là người nữ dòng hạ tiện đã được khích lệ bởi ngài, bởi vị anh hùng. Tôi đã đánh lễ các bàn chân của bậc A-la-hán Gotama có danh tiếng.

200. Tôi đây, sau khi đánh lễ các bàn chân, đã chết từ dòng dõi hạ tiện; tôi được tái sinh ở Thiên cung tốt đẹp về mọi phương diện, ở (vườn hoa) Nandana.

201. Một ngàn tiên nữ đứng tháp tùng. Trong số họ, tôi là người quý cao, hạng nhất, được thành tựu về sắc đẹp, về danh tiếng.

202. Thưa ngài, với nhiều việc tốt đẹp đã làm, có sự nhận biết rõ, có niệm, tôi đi đến để đánh lễ ngài, bậc hiền trí, có lòng bi mẫn ở thế gian.”

203. Sau khi nói xong điều ấy, người nữ dòng hạ tiện, có sự biết ơn, có sự nhận biết việc đã làm, đã đánh lễ các bàn chân của vị A-la-hán, rồi đã biến mất ngay tại chỗ ấy.

### **Thiên cung của Người Nữ Dòng Hạ Tiện.**

---

<sup>1</sup> Hai câu kệ 193, 194 là lời của ngài Mahāmoggallāna nói với bà lão dòng hạ tiện (VvA., 105).